

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 17-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thế B, sinh ngày 13/9/1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q, sinh năm 1950 và bà Chung Thị G, sinh năm 1952; có vợ là Đỗ Thị N, sinh năm 1983; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Hữu T, sinh ngày 20/02/1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh

năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bùi Văn K, sinh ngày 28/7/1967 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S1, đã chết năm 2004 và bà Ngô Thị T6, đã chết năm 2003; có vợ là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1967; có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Hữu T1, sinh ngày 24/9/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T5, sinh năm 1970 và bà Chung Thị C, sinh năm 1970; có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Ngô Anh Đ, sinh ngày 09/10/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 11/20/313 đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân C1, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị B1, sinh năm 1961; có vợ là Lê Thúy H2, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Anh Đoàn Đức H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/7/2019, Bùi Thế B, Phạm Hữu T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn K đến nhà bà Nguyễn Thị T2 ở thôn X, xã T, huyện K để ngồi chơi chia buồn chồng bà T2 mới chết. Lúc này gia đình bà T2 không có ai ở nhà. Đến khoảng 12

giờ 15 phút cùng ngày thì B, T, T1, K cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. Ba lấy 02 bộ bài chắn và 02 chiếc đĩa sứ màu trắng có sẵn trong gian bếp của nhà bà T2, để xuống chiếu cói đã trải sẵn và cùng mọi người đánh bạc. Quy ước đánh bạc ù xuống là 60.000 đồng, ù có dịch thì được thêm 20.000 đồng và ù có cước sắc thì 03 người còn lại mỗi người phải trả cho người được ù là 200.000 đồng. Nếu ván “ù” có nhiều cước sắc thì cộng thêm tiền theo cách dịch của các cước sắc đó. Cả bốn đối tượng tự thay nhau chia bài đánh bạc. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 13 giờ 30 phút thì Ngô Anh Đ đến chơi, nên cả nhóm nhờ Đ chia bài hộ và mỗi người trả công cho Đ là 40.000 đồng/giờ. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện K bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc và thu giữ vật chứng gồm: 02 bộ bài chắn, 02 chiếc đĩa sứ màu trắng và số tiền 11.210.000 đồng (gồm 10.730.000 đồng thu tại chiếu bạc và 480.000 đồng là tiền các đối tượng trả công chia bài cho Đ)

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSKT ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Bùi Thế B, Phạm Hữu T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn K, Ngô Anh Đ đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

- Bùi Thế B khai: Khoảng 12 giờ ngày 17/7/2019, B đi bộ sang nhà bà T (là chị dâu) để thắp hương cho anh trai vừa mới chết. Gia đình bà T không có ai ở nhà nên B tự mở cổng và mở cửa vào, ngồi uống nước tại chiếu cói đã trải sẵn từ trước trong gian bếp nhà bà T2. Sau đó lần lượt có các đối tượng T, T1, K đến cùng ngồi chơi. Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày thì các đối tượng cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. B lấy 02 bộ bài chắn và 02 chiếc đĩa sứ màu trắng có sẵn trong gian bếp nhà bà T2 để xuống chiếu cói đã trải sẵn và cùng mọi người đánh bạc. Quy ước đánh bạc ù xuống là 60.000 đồng, ù có dịch thì được thêm 20.000 đồng và ù có cước sắc thì 03 người còn lại mỗi người phải trả cho người được ù là 200.000 đồng. Cả bốn đối tượng tự thay nhau chia bài đánh bạc. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, gia đình bà T2 không ai biết về việc đánh bạc. Đến 13 giờ 30 phút thì Ngô Anh Đ đến chơi nên cả nhóm nhờ Đ chia bài hộ và thống nhất mỗi người trả tiền công cho Đ là 40.000 đồng/giờ. B dùng số tiền 4.500.000 đồng đánh bạc, bị thua 3.370.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

- Phạm Hữu T, Phạm Hữu T, Bùi Văn K khai nhận thống nhất như lời khai của Ba: Khoảng 12 giờ ngày 17/7/2019, T, T1, K lần lượt đi bộ đến nhà bà T2 để thắp hương chồng bà T2 mới chết thì gặp B; mọi người cùng ngồi uống nước tại chiếu cói trong gian bếp nhà bà T2. Lúc này gia đình bà T2 không có ai ở nhà. Sau đó cả bọn cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. B lấy 02 bộ bài chắn và 02 chiếc đĩa sứ màu trắng để xuống chiếu cói đã trải sẵn trong gian bếp nhà bà T để mọi người đánh bạc. Đến 13 giờ 30 phút thì Đ đến chơi nên cả nhóm nhờ Đ chia bài hộ và thống nhất mỗi người trả tiền công cho Đ là 40.000 đồng/giờ. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. T dùng số tiền 3.500.000 đồng đánh bạc, bị thua 2.060.000 đồng. K dùng số tiền 2.510.000 đồng đánh bạc, bị thua 1.950.000 đồng. T1 dùng số tiền 700.000 đồng đánh bạc, thắng bạc 6.900.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

- Ngô Anh Đ khai nhận thống nhất như lời khai của các bị cáo: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2019, Đ sang nhà bà T2 để thắp hương chồng bà T2 mới chết, nhưng gia đình bà T2 không có ai ở nhà. Đ quan sát thấy tại gian bếp nhà bà T2 có B, T, K, T1 đang ngồi đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền nên Đ vào xem. Cả nhóm nhờ Đ chia bài hộ, Đ đồng ý và thỏa thuận mỗi người trả tiền công chia bài cho Đ là 40.000 đồng/giờ. Trong khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đ đã được mỗi đối tượng trả tiền công 03 lần, tổng cộng với số tiền là 480.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

- Tại cơ quan điều tra, bà T2 khai: Gia đình bà có chồng mới chết nên ngày 17/7/2019 bà có thắp hương cúng rằm cho chồng, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày bà sang nhà mẹ đẻ, gia đình bà không có ai ở nhà, cổng và cửa đều không khóa. Bà không biết các đối tượng đến đánh bạc tại gian bếp nhà mình, chiếc chiếu cói trải sẵn từ trước để gia đình bà ăn cơm, 02 bộ bài chắn có sẵn từ trước, bà không biết ai mua, bà không yêu cầu nhận lại 02 chiếc đĩa sứ và không yêu cầu đề nghị gì về việc các bị cáo tự ý đánh bạc tại nhà mình.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Bùi Thế B mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”

+ Phạm Hữu T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”

+ Bùi Văn K mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”

Trừ cho mỗi bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền: Phạm Hữu T từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền: Ngô Anh Đ từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo B, T, K đều là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài chắn, 02 chiếc đĩa sứ màu trắng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 11.210.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 17/7/2019 Bùi Thế B, Phạm Hữu T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn K đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền tại gian bếp nhà bà Nguyễn Thị T2 với tổng số tiền là 11.210.000 đồng và Ngô Anh Đ đã có hành vi đồng ý ngồi chia bài cho các bị cáo đánh bạc, được trả công số tiền 480.000 đồng trong tổng số tiền sử dụng để đánh bạc, nên Đ là đồng phạm tội “Đánh bạc” với vai trò giúp sức. Như vậy, hành vi của Bùi Thế B, Phạm Hữu T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn K và Ngô Anh Đ đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân. Đồng thời là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử lý phù hợp đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo Ba tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 4.500.000 đồng đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc. Nên Ba phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo khác. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T tham gia đánh bạc tích cực; dùng số tiền 3.500.000 đồng đánh bạc cùng đồng bọn. Cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo K tham gia đánh bạc tích cực; dùng số tiền 2.510.000 đồng đánh bạc cùng đồng bọn. Cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo Khánh đang thờ cúng chú ruột là liệt sỹ. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T dùng số tiền đánh bạc 700.000 đồng. Cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Đ giúp sức tích cực, chia bài cho các bị cáo khác đánh bạc và nhận tiền công 480.000 đồng. Cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo B, T, K đều là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung khấu trừ thu nhập là có cơ sở chấp nhận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo theo khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T, Đ bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 11.210.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước.

- 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sứ màu trắng; cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị T2 không có mặt ở nhà, không biết các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà mình, nên không bị xử lý là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Bùi Thế B 24 (hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Phạm Hữu T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Bùi Văn K 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo B, T, K tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao các bị cáo B, T, K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền: Phạm Hữu T 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền: Ngô Anh Đ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 11.210.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước (theo biên lai thu tiền số AA.0005579 ngày 30/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sứ màu trắng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các bị cáo Tiếp, Đức thi hành án xong phần phạt tiền, thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bị cáo Bùi Thế B, Phạm Hữu T, Phạm Hữu T1, Bùi Văn K, Ngô Anh Đ: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA hình sự + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND xã T, K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền